

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2024

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Tường**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Hiên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 645/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 377A tổ 5, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh T1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 377A tổ 5, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

(Chị T có mặt, anh T1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:* Chị và anh Lê Minh T1 tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh T1 nhậu vô dúng lời lẽ không tốt xúc phạm chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện tại anh chị đã ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có 02 con chung tên Lê Nguyễn Nhật Hiếu, sinh năm 1995 và Lê Nguyễn Nhật Thảo sinh năm 2001 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải Tòa giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Minh T1 trình bày:* Quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất với lời trình bày của chị T. Do gần đây anh có rủ bạn bè về nhà nhậu chị T không hài lòng nên có cự cãi và chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống khoảng 03 tháng nay. Anh còn thương vợ mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Lê Minh T1 chung sống như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị T xác định vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 nhậu vô có những lời lẽ xúc phạm chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Xét thấy anh chị chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nhưng vẫn không thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Minh T và anh Lê Minh T1 là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013152 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh T1 thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tân